

## SIDEWAY BIÊN RỘNG TRÊN VÙNG GIÁ CAO

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

<b>MUA</b>	Đối với hoạt động trading, nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp rung lắc trong phiên để thực hiện mua trading T+, ưu tiên các vị thế có sẵn trong danh mục.
<b>BÁN</b>	Xem xét bán cơ cấu đối với các cổ phiếu có tín hiệu suy yếu ở vùng cản mạnh chuyển sang nhóm cổ phiếu chưa tăng nhiều hoặc đang có nền tích lũy chặt.

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

<b>HSG</b>	<b>MUA</b>
	<b>↑ 12,92%</b>
	<b>VND 27.100</b>

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (2/4), đánh dấu phiên giảm thứ hai liên tiếp.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường nổi lại đà tăng sau 3 phiên điều chỉnh liên tiếp, đáng chú ý vẫn là dòng tiền đang rất khỏe, do vậy khi nhóm cổ phiếu ngân hàng hạ nhiệt dòng tiền đã ngay lập tức dịch chuyển sang nhóm Midcap để tìm cơ hội. Nhóm Midcap phiên này có mức tăng gấp đôi so với các nhóm cổ phiếu còn lại, nhiều cổ phiếu đóng cửa ở mức giá trần đã kích hoạt dòng tiền sau khi chốt lời đã quay ra mua lại dù dòng tiền ngoại vẫn là lực cản lúc này. Hiện tại, thị trường chứng khoán trong nước vẫn đang tiếp tục xu hướng Sideway biên rộng trên vùng giá cao.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
<b>Dow Jones</b>	39.170,24	-1,00	3,93
<b>S&amp;P 500</b>	5.205,81	-0,72	9,14
<b>Nasdaq</b>	16.240,45	-0,95	8,19
<b>VIX</b>	14,61	7,03	17,35
<b>DAX</b>	18.283,13	-1,13	9,14
<b>FTSE 100</b>	7.935,09	-0,22	2,61
<b>CAC40</b>	8.130,05	-0,92	7,78
<b>Hang Seng</b>	16.926,85	-0,03	-0,71

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng VN-Index</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
<b>RSI (14)</b>	<b>62,66</b>	<b>BUY</b>
<b>MACD(12,26)</b>	<b>16,05</b>	<b>BUY</b>
<b>ADX(14)</b>	<b>26,41</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA5</b>	<b>1.285,18</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA20</b>	<b>1.266,89</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA50</b>	<b>1.229,28</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA100</b>	<b>1.174,26</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA200</b>	<b>1.169,43</b>	<b>BUY</b>

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Thị trường chứng khoán Mỹ giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (2/4), đánh dấu phiên giảm thứ hai liên tiếp trong sự khởi đầu thiếu thuận lợi của quý 2, khi lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng và các nhà giao dịch giảm đặt cược vào khả năng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) bắt đầu hạ lãi suất vào tháng 6.
- Ngày 2/4, NHNN công bố tỷ giá trung tâm cặp đồng tiền VND/USD được áp dụng trong ngày ở mức 24.005 VND/USD, tăng 1 đồng so với niêm yết trước. Với biên độ +/-5% theo quy định, tỷ giá sàn là 22.805 VND/USD, tỷ giá trần là 25.205 VND/USD. Trên thị trường tự do, sau 1 số phiên hạ nhiệt do NHNN hút tiền thông qua kênh tín phiếu, tỷ giá VND/USD đã bật tăng trở lại, giao dịch mua – bán ở mức 25.420 – 25.520 VND/USD.
- VHC:** Vĩnh Hoàn đặt kế hoạch kinh doanh với hai kịch bản, kịch bản cao và kịch bản cơ bản. Đối với kịch bản cơ bản, Vĩnh Hoàn lên kế hoạch doanh thu 10.700 tỷ đồng, tăng 6,6% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ dự kiến 800 tỷ đồng, giảm 12,9% so với thực hiện trong năm 2023. Ngoài ra, đối với kịch bản cao, doanh thu dự kiến 11.500 tỷ đồng, tăng 14,6% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ dự kiến 1.000 tỷ đồng, tăng 8,8% so với thực hiện trong năm 2023.
- TPB:** TPBank đề ra mục tiêu LNTT ngân hàng riêng lẻ là 7.500 tỷ đồng, tăng 34% so với năm 2023. Tổng tài sản dự kiến tăng 9,36% lên 390.000 tỷ đồng, dư nợ cho vay và trái phiếu doanh nghiệp tăng 15,75% lên 251.821 tỷ đồng, huy động vốn tăng 3,31% lên 327.000 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới mức 2,5%. TPBank chú trọng tăng trưởng mạnh cơ sở khách hàng, phấn đấu đạt mốc 15 triệu khách hàng trong năm nay.
- VIB:** ĐHCĐ đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 với lợi nhuận trước thuế 12.045 tỷ đồng, tăng 13% so với 2023; Tổng tài sản 492.000 tỷ đồng, tăng 20%; Tổng dư nợ tín dụng 320.600 tỷ đồng, tăng 20%; Huy động vốn 315.200 tỷ đồng, tăng 21%; Tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. Chia cổ tức tiền mặt và thưởng cổ phiếu tổng tỷ lệ 29,5.
- FMC:** Theo thông tin mới nhất, trong tháng 3, FMC ghi nhận sản xuất tôm thành phẩm đạt 2.000 tấn, tăng 74% so với cùng kỳ năm 2022; sản lượng tiêu thụ đạt 1.693 tấn, tăng 42%. Sản xuất nông sản thành phẩm đạt 112 tấn, giảm 53% so với cùng kỳ và sản lượng tiêu thụ đạt 59 tấn, giảm 57%. Nhìn chung, doanh số tháng 3 của FMC đạt 19,17 triệu USD, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.281,02	0,02	10,57
Dầu WTI	85,19	0,05	18,90
Dầu Brent	89,02	0,11	15,55
Than	132,25	0,19	-9,67
Đồng	8.991,00	1,40	5,05
Quặng sắt	103,50	1,29	-24,96
Thép	524,00	-1,50	-7,20

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	104,786	-0,03	3,41
USD/JPY	151,57	-0,01	-6,95
USD/CNY	7,2337	-0,02	-1,85
EUR/USD	1,0769	-0,01	-2,45
GBP/USD	1,2568	-0,08	-1,28

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	20/03/2024	0
ECB	4,50%	-	0
BOE	5,25%	21/03/2024	0
BOJ	-0,10%	19/03/2024	0
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
VND	638,14	23.100	0,87
STB	3.164,76	30.200	-3,82
SSI	814,41	38.900	0,26
NVL	412,85	17.400	-0,29
DIG	620,84	33.600	0,30

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	528.169,12	94.500	-0,74
BID	295.852,62	51.900	-0,38
CTG	187.949,71	35.000	0,00
VHM	187.890,96	43.150	0,58
GAS	189.481,04	82.500	2,36

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# HSG

**Khuyến nghị**
**MUA**
**Giá hiện tại**
**24.150**
**Giá mục tiêu**
**27.100**
**Tiềm năng tăng giá**
**12,92%**
**Vùng giải ngân**
**23.500-24.000**
**Ngưỡng cắt lỗ**
**<22.800**

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Tại ĐHCĐ 2024, HSG đã đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận bằng lần trong NĐTC 2023 - 2024. Đối với kịch bản thận trọng, HSG đặt kế hoạch LNR đạt ở mức 400 tỷ đồng, tăng 13 lần so với cùng kỳ. Theo đó, sản lượng tiêu thụ kế hoạch tăng 13,3% so với cùng kỳ, tương ứng 1,63 triệu tấn. Trong kịch bản khả quan, nếu sản lượng tiêu thụ tăng 20,7% khi đạt 1,73 triệu tấn, HSG điều chỉnh kế hoạch LNR tăng 17 lần so với cùng kỳ khi đạt 500 tỷ đồng.
- Sau nhiều năm chia cổ tức bằng cổ phiếu, HSG đã quay trở lại trả cổ tức bằng tiền mặt cho niên độ tài chính 2023 với tỷ lệ 5%.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Phiên tăng giá ngày 2/4 kèm thanh khoản cao CP HSG đang mở ra triển vọng vượt đỉnh để bước vào nhịp tăng mới. Các chỉ báo kỹ thuật đang ủng hộ xu hướng tăng ngắn hạn. NĐT có thể xem xét mua tỷ trọng trong các nhịp điều chỉnh, nhất là trong bối cảnh thị trường đang xuất hiện các nhịp dao động biên độ rộng.

## Thông tin tài chính

	FY2021	FY2022	Q4 2023
<b>DTT (tỷ đ)</b>	48.727	49.711	8.107
<b>LNTT (tỷ đ)</b>	4.915	381	504
<b>LNST (tỷ đ)</b>	4.313	251	440
<b>Ng/VCSH (%)</b>	63	38	27
<b>ROE (%)</b>	47,60	2,23	7,75
<b>ROA (%)</b>	19,44	1,15	4,68
<b>EPS (VNĐ)</b>	6.849	393	1320,81
<b>P/E (lần)</b>	5,5	36,5	18,28
<b>P/B (lần)</b>	2,12	0,81	1,37

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
<b>RSI (14)</b>	<b>62,64</b>	<b>BUY</b>
<b>MACD(12,26)</b>	<b>0,33</b>	<b>BUY</b>
<b>ADX(14)</b>	<b>17,38</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA5</b>	<b>23.910</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA20</b>	<b>22.860</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA50</b>	<b>22.920</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA100</b>	<b>22.310</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA200</b>	<b>20.540</b>	<b>BUY</b>

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
1	HSG	Theo dõi	23,5-24			27,1	22,8			
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	STB	Nắm giữ	30-31,5	29/2/2024	31,3	35,6	29,1			-3,51%
2	MWG	Nắm giữ	45-47,5	5/3/2024	47,5	54,3	44,2			8,63%
3	CII	Nắm giữ	18,8-19,5	28/3/2024	19,3	21,8	18,5			-0,52%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	DCM	Chốt lời	31-32,5	22/11/2023	31,5	36,7	30	16/2/2024	34	7,94%
2	HAH	Chốt lời	38-39,5	10/1/2024	38,9	43,3	36,5	19/2/2024	41,45	7,46%
3	PVD	Chốt lời	26,5-27,2	22/1/2024	27,2	30,6	25,4	20/2/2024	28,95	6,62%
4	VCI	Chốt lời	41,5-42,5	29/12/2023	42	48,2	40	21/2/2024	45	7,14%
5	DXG	Cắt lỗ	18,6-19,2	5/1/2024	19	21,5	18	23/2/2024	18	-5,26%
6	VHC	Chốt lời	63,5-65	19/2/2024	64,7	71,5	60,9	28/2/2024	70,9	9,58%
7	VGC	Chốt lời	51,8-53,5	31/1/2024	52,5	59,1	49,8	5/3/2024	56,9	8,19%
8	VCG	Cắt lỗ	24,8-25,2	29/1/2024	25,2	28,5	23,9	11/3/2024	23,9	-5,16%
9	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
10	VCI	Chốt lời	46-48	6/3/2024	47,5	55,2	44,5	15/3/2024	52,3	11,58%
11	VND	Cơ cấu	22,8-23,8	4/3/2024	23	27,3	21,8	26/3/2024	23,05	0,22%
12	NKG	Chốt lời	23-23,8	15/3/2024	23,75	27,6	22,4	28/3/2024	26,1	9,89%
13	VGC	Chốt lời	54-55,5	13/3/2024	55,5	61,8	51,8	2/4/2024	58,7	6,31%
14	KSB	Cơ cấu	25,5-26,5	15/3/2024	26,2	29,5	24,6	2/4/2024	26,2	0,00%
15	DPM	Cơ cấu	34,5-36	27/3/2024	35,85	39,8	33,8	2/4/2024	35,55	-0,84%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới  
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chi số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 20/10/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mas	16-16.5	
Cải tổ	Đuổi 14	-(-12%)
Châu Á 1 (50%)	18-19	-(-13%-18%)
Châu Á 2 (50%)	21-22	-(-18-37%)
Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mas	65-66	
Cải tổ	ICB (MĐ DCA vđ 41-62)	-(-4%)
Châu Á 1 (50%)	72-75	-(-13%-14%)
Châu Á 2 (50%)	Năm giờ	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mas	21-21.5	
Cải tổ	18.8	-(-4%)
Châu Á 1 (50%)	23-24	-(-7%-12%)
Châu Á 2 (50%)	25.5-26	-(-13%-24%)

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	🕒 99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (lợi/kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)